TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Thập

Ông Phạm Duy Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14-8-2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị A, sinh năm 1977;

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị S - Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Bá B, sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-6-2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử,

nguyên đơn chị Vũ Thị A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Lê Bá B vào ngày 18-02-2000 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B thường xuyên chửi bới, đánh đập chị vô cớ. Mỗi lần đi uống rượu say, về nhà anh B lại đánh chị. Mặc dù bị anh B đánh nhưng chưa lần nào chị báo chính quyền địa phương để can thiệp. Bản thân chị vì thương các con nên vẫn cố gắng chịu đựng và tiếp tục chung sống cùng anh B. Tuy nhiên, ngày 21/4/2019, anh B lại chửi bới, đánh đập và đuổi chị đi nên từ đó chị đã bỏ về nhà bà ngoại ở xã K, huyện G ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi bỏ đi, chưa lần nào anh B đến tìm gặp để động viên chị về đoàn tụ. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B.

- Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là Lê Thị T, sinh ngày 19-11-2001; Lê Thị L, sinh ngày 31-10-2006 và Lê Bá O, sinh ngày 26-7-2008. Chị xin nuôi cháu L, giao cháu T và cháu O cho anh B nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 03-7-2019, bị đơn anh Lê Bá B trình bày:

Anh và chị A kết hôn vào năm 2000 và đã sinh được ba người con là Lê Thị T, sinh năm 2001 (cháu T bị bệnh tâm thần kinh không làm ăn được gì), Lê Thị L, sinh năm 2006 và Lê Bá O, sinh năm 2008. Quá trình chung sống, vợ chồng anh có đôi lúc cãi cọ nhau xong lại thôi, không có điều gì xảy ra. Bản thân chị A đi ngoại tình với người khác, về nhà ruồng bỏ anh. Từ ngày 20-02-2019 đến ngày 20-5-2019, chị A đi làm nhiều đêm không về nhà, anh đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị A không nghe. Tối ngày 23-5-2019, gia đình anh tổ chức họp, mọi người đã khuyên ngăn và cũng chỉ ra những thiếu sót, sai lầm của chị A. Gia đình anh sẵn sàng bỏ qua những khuyết điểm của chị A, khuyên chị A nghĩ lại tình vợ chồng và các con nhưng chị A không nghe và đã bỏ nhà đi. Sau đó, chị A làm đơn ly hôn anh, bảo anh ký nhưng do nội dung trong đơn không đúng sự thật nên anh không ký.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Chị Vũ Thị A và anh Lê Bá B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, chị A và anh B có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo gia đình anh B

nói lại là do chị A có quan hệ tình cảm với người khác, sau đó chị A đã tự ý bỏ nhà đi. Gia đình chị A và gia đình anh B có họp để hòa giải cho hai anh chị, nếu chị A có sai lầm thì gia đình anh B sẽ bỏ qua cho chị A, mong chị A suy nghĩ lại để hai anh chị về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng chị A không nghe. Nay chị A có đơn khởi kiện xin ly hôn anh B, đề nghị Tòa án hòa giải cho hai anh chị, nếu không hòa giải được đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Quá trình chung sống, chị A và anh B có ba người con chung là cháu T, cháu L và cháu O. Tuy nhiên cháu T không được khôn ngoan như người bình thường. Nếu Tòa án giải quyết cho hai anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa án giao một con cho chị A nuôi dưỡng để giảm bớt gánh nặng nuôi con cho anh B.

Ông Lê Bá D là bố đẻ anh B cung cấp: Quá trình chung sống, chị A và anh B có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Thời gian gần đây, chị A có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ngày 23-5-2019, gia đình ông đã tổ chức họp nội bộ trong gia đình, chị A nói rằng sẽ bỏ anh B, sau đó chị A đã bỏ nhà đi từ đó đến nay, hai anh chị sống ly thân. Quan điểm của anh B là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do anh B bận đi làm nên sẽ không đến Tòa án làm việc. Con chung của anh B và chị A là cháu T và cháu O hiện đang ở với anh B, còn cháu L ban ngày ăn cơm ở nhà ông bà ngoại, buổi tối cháu về ngủ ở gia đình ông. Cháu T không được khôn ngoan như người bình thường, tuy nhiên không có giấy tờ, sổ sách gì thể hiện cháu T bị bệnh về tâm thần kinh.

Ông Vũ Văn C là bố đẻ chị A cung cấp: Quá trình chung sống, chị A và anh B có xảy ra mâu thuẫn. Theo ông được biết, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu say, không lo toan cuộc sống gia đình. Tất cả các công việc trong gia đình đều do chị A lo liệu. Vì vậy, chị A và anh B thường xuyên xảy ra cãi nhau, nhiều lần anh B chửi bới, có lần còn đánh đập chị A. Gia đình ông đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải cho hai anh chị nhưng mâu thuẫn của chị A và anh B vẫn không cải thiện được. Cách đây khoảng 1 tháng, chị A đã bỏ về sống cùng với bà ngoại (là mẹ vợ của ông) ở thôn H, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương. Chị A và anh B sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị A có đơn khởi kiện xin ly hôn anh B, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đơn của chị A.

Tại phiên toà:

Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh B; chị xin nuôi cháu L, giao cháu T và

cháu O cho anh B nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị A ly hôn anh B. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thị L, sinh ngày 31-10-2006 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, giao hai con chung là Lê Thị T, sinh ngày 19-11-2001 và Lê Bá O, sinh ngày 26-7-2008 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị A, anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Bá B được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị A và anh Lê Bá B kết hôn năm 2000 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị A trình bày là do anh B thường xuyên chửi bới, có lần còn đánh đập chị vô cớ. Theo anh B trình bày, chị A có quan hệ ngoại tình với người khác nên đã ruồng bỏ anh và các con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh B thông qua bố đẻ anh là ông Lê Bá D. Ông D xác định đã giao lại các văn bản của Tòa án cho anh B, tuy nhiên anh B không đến Tòa án làm việc và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, điều đó thể hiện thái

độ thờ ơ, bỏ mặc, không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho chị A ly hôn anh B.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị A và anh B có ba con chung là Lê Thị T, sinh ngày 19-11-2001; Lê Thị L, sinh ngày 31-10-2006 và Lê Bá O, sinh ngày 26-7-2008. Chị A xin nuôi cháu L và đề nghị giao cháu T và cháu O cho anh B nuôi dưỡng. Xét thấy hiện cháu T và cháu O đang ở với anh B và đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với anh. Cháu L có nguyện vọng xin được ở với chị A. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu T và cháu O cho anh B nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị A nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Do hai anh chị đều nuôi con, chị A tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn nhưng do chị thuộc diện hộ nghèo nên chị được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị A ly hôn anh Lê Bá B.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Lê Thị L, sinh ngày 31-10-2006 cho chị Vũ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng; giao hai con chung là Lê Thị T, sinh ngày 19-11-2001 và Lê Bá O, sinh ngày 26-7-2008 cho anh Lê Bá B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị A, anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho chị Vũ Thị A.

Trả lại chị Vũ Thị A số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003689 ngày 17-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh